

Số: 644 /QĐ-TTGTHTKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt sửa đổi E-HSMT

Gói thầu: Phi tư vấn công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực 4.

Dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực 4.

Địa điểm: Phường An Hội Đông, An Hội Tây, An Nhơn, An Phú Đông, Bình Lợi Trung, Đông Hưng Thuận, Đức Nhuận, Gò Vấp, Hạnh Thông, Phú Thọ Hòa, Tân Sơn, Tân Sơn Hòa, Tân Sơn Nhì, Tân Thới Hiệp, Tây Thạnh, Thông Tây Hội, Thới An, Trung Mỹ Tây; Xã Bà Điểm, Bình Mỹ, Củ Chi, Đông Thạnh, Hóc Môn, Nhuận Đức, Phú Hòa Đông, Tân An Hội, Thái Mỹ, Xuân Thới Sơn – Thành phố Hồ Chí Minh.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUẢN LÝ
GIAO THÔNG VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc hợp nhất Trung tâm Quản lý Hạ tầng giao thông đường bộ, Trung tâm Phát triển Hạ tầng kỹ thuật thành phố Thủ Đức, Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thành Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-SXD- TCCB ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Sở Xây dựng về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-TTGTHTKT ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-SXD-TC ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Sở Xây dựng về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (điều chỉnh lần 2);

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-SXD-TC ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Sở Xây dựng về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (Điều chỉnh lần 4);

Căn cứ Quyết định số 1492/QĐ-SXD-HTKT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Sở Xây dựng về phê duyệt dự toán Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực 4;

Căn cứ Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành quy định về công tác quản lý vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Sở Xây dựng thực hiện một số nội dung về công tác quản lý, vận hành, chăm sóc và bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng đô thị, thoát nước đô thị và công viên cây xanh;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-TTGTHTKT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc Dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực 4;

Căn cứ Quyết định số 594/QĐ-TTGTHTKT ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt E-HSMT thuộc Dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực 4;

Căn cứ Thông báo mời thầu số IB2600226894 ngày 22 tháng 5 năm 2026;

Căn cứ Tờ trình số 3305/TTr-TĐHSMT ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng đô thị Sài Gòn về việc đề nghị phê duyệt sửa đổi E-HSMT gói thầu Phi tư vấn công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực 4 thuộc Dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực 4, kèm theo dự thảo E-HSMT sửa đổi của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng đô thị Sài Gòn lập;

Căn cứ Phiếu chuyển số 162/PC-CXCSI ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Phòng Cây xanh - Chiếu sáng số 1 về việc sửa đổi E-HSMT gói thầu Phi tư vấn công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực 4 thuộc Dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực 4.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt sửa đổi E-HSMT gói thầu Phi tư vấn công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực 4 thuộc Dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực 4, do Phòng Cây xanh - Chiếu sáng số 1 thống nhất trình duyệt tại Phiếu chuyển số 162/PC-CXCSI ngày 29 tháng 5 năm 2026 và Tờ trình số 3305/TTr-TĐHSMT ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng đô thị Sài Gòn với nội dung chi tiết như sau:

a) Sửa đổi Mục 3 Chương III của E-HSMT:

STT	Nội dung E-HSMT đã phát hành theo Quyết định duyệt E-HSMT số 594/QĐ-TTGTHTKT ngày 21 tháng 05 năm 2026	Nội dung sửa đổi E-HSMT
1	3.1.5. Có kế hoạch phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến mảng xanh, cây xanh; Có kế hoạch ứng trực xử lý sự cố cây xanh và giải pháp phòng chống sự cố ngã đổ cây xanh, đặc biệt trong mùa mưa bão.	3.1.5. Có kế hoạch phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến mảng xanh, cây xanh; Có kế hoạch ứng trực xử lý sự cố cây xanh và giải pháp phòng chống sự cố ngã đổ cây xanh, đặc biệt trong mùa mưa bão; Có kế hoạch đảm bảo an toàn điện khi có sự cố cây xanh ngã đổ.

b) Tại Chương V của E-HSMT:

- Bổ sung file đính kèm trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia các tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ: Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND Thành phố; Hướng dẫn số 7094/HD-SGTVT ngày 16/6/2020 của Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh; Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23/12/2019 của Sở Xây dựng TP Hồ Chí Minh.

c) Sửa đổi khối lượng mời thầu tại Mẫu số 01C Phạm vi cung cấp (Webform) Chương IV của E-HSMT (chi tiết theo Phụ lục I đính kèm).

d) Sửa đổi yêu cầu tại Mục E-ĐKC10.2 Chương VII của E-HSMT (chi tiết theo Phụ lục II đính kèm).

e) Sửa đổi nội dung tại Điều 5 của Dự thảo hợp đồng – Mẫu số 14A Phần 4 Biểu mẫu hợp đồng của E-HSMT (chi tiết theo Phụ lục III đính kèm).

Lý do sửa đổi E-HSMT: Sửa đổi nội dung E.HSMT cho phù hợp với yêu cầu thực hiện của gói thầu.

Điều 2. Các nội dung khác không được đề cập vẫn giữ nguyên theo nội dung E-HSMT đã phát hành kèm theo Quyết định số 594/QĐ-TTGTHTKT ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giao Phòng Cây xanh - Chiếu sáng số 1, Phòng Kế hoạch và Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Đô thị Sài Gòn chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Cây xanh - Chiếu sáng số 1, Phòng Kế hoạch, Phòng Tài chính kế toán có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Sở Xây dựng;
- Cty CPĐT XD ĐTSG;
- GD, PGĐ Long;
- P. TCKT (2b), CXCS1 (1b);
- Lưu: VT, KH. Vy(1b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Tấn Long

Phụ lục I

Sửa đổi, bổ sung Phạm vi cung cấp tại Mẫu số 01C (webform trên hệ thống)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTGTHTKT ngày tháng năm 2026 của Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Nội dung E-HSMT đã phát hành theo Quyết định duyệt E-HSMT số 594/QĐ-TTGTHTKT ngày 21 tháng 05 năm 2026				Nội dung sửa đổi E-HSMT			
STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính
16	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	114,6600	100 m2/lần	16	Không có danh mục		
				22 (bổ sung sau STT 21)	Chăm sóc cây kiểng tạo hình.	0,025	100 cây/năm
22	Chăm sóc cây kiểng trồng chậu	0		23	Chăm sóc cây kiểng trồng chậu	0	
68	Tưới thảm cỏ bằng nước giếng khoan HTTĐ	4.695,2460	100 m2/lần	68	Không có danh mục		
75	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	707,0300	100 m2/lần	75	Không có danh mục		
79	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	318,0600	100 m2/lần	79	Không có danh mục		
86	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	73,1700	100 m2/lần	86	Không có danh mục		
223	Tưới thảm cỏ bằng nước giếng khoan HTTĐ	14.110,7423	100 m2/lần	223	Không có danh mục		
224	Tưới thảm cỏ bằng nước máy HTTĐ	18.033,8310	100 m2/lần	224	Không có danh mục		
231	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	591,9575	100 m2/lần	231	Không có danh mục		

Nội dung E-HSMT đã phát hành theo Quyết định duyệt E-HSMT số 594/QĐ-TTGTHTKT ngày 21 tháng 05 năm 2026				Nội dung sửa đổi E-HSMT			
STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính
232	Tưới bằng nước máy HTTĐ	2.081,8125	100 m2/lần	232	Không có danh mục		
237	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	8.290,6290	100 m2/lần	237	Không có danh mục		
238	Tưới bằng nước máy HTTĐ	4.688,1090	100 m2/lần	238	Không có danh mục		
246	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	1.232,4015	100 m2/lần	246	Không có danh mục		
247	Tưới bằng nước máy HTTĐ	5.975,0280	100 m2/lần	247	Không có danh mục		
858	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	382,2000	100 m2/lần	858	Không có danh mục		
				864 (bổ sung sau STT 863)	Chăm sóc cây kiếng tạo hình	0,05	100 cây/năm
864	Chăm sóc cây kiếng trồng chậu	0		865	Chăm sóc cây kiếng trồng chậu	0	
911	Tưới thảm cỏ bằng nước giếng khoan HTTĐ	15.650,8200	100 m2/lần	911	Không có danh mục		
918	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	2.545,3080	100 m2/lần	918	Không có danh mục		
922	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	1.060,2000	100 m2/lần	922	Không có danh mục		
929	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	243,9000	100 m2/lần	929	Không có danh mục		
1066	Tưới thảm cỏ bằng nước giếng khoan HTTĐ	47.035,8075	100 m2/lần	1066	Không có danh mục		

Nội dung E-HSMT đã phát hành theo Quyết định duyệt E-HSMT số 594/QĐ-TTGTHTKT ngày 21 tháng 05 năm 2026				Nội dung sửa đổi E-HSMT			
STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính
1067	Tưới thảm cỏ bằng nước máy HTTĐ	60.112,7700	100 m2/lần	1067	Không có danh mục		
1074	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	2.131,0470	100 m2/lần	1074	Không có danh mục		
1075	Tưới bằng nước máy HTTĐ	7.494,5250	100 m2/lần	1075	Không có danh mục		
1080	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	27.635,4300	100 m2/lần	1080	Không có danh mục		
1081	Tưới bằng nước máy HTTĐ	15.627,0300	100 m2/lần	1081	Không có danh mục		
1089	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	4.108,0050	100 m2/lần	1089	Không có danh mục		
1090	Tưới bằng nước máy HTTĐ	19.916,7600	100 m2/lần	1090	Không có danh mục		
1705	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	382,2000	100 m2/lần	1705	Không có danh mục		
				1711 (bổ sung sau STT 1710)	Chăm sóc cây kiểng tạo hình	0,05	100 cây/năm
1711	Chăm sóc cây kiểng trồng chậu	0		1712	Chăm sóc cây kiểng trồng chậu	0	
1758	Tưới thảm cỏ bằng nước giếng khoan HTTĐ	15.650,8200	100 m2/lần	1758	Không có danh mục		
1765	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	2.545,3080	100 m2/lần	1765	Không có danh mục		
1769	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	1.060,2000	100 m2/lần	1769	Không có danh mục		

Nội dung E-HSMT đã phát hành theo Quyết định duyệt E-HSMT số 594/QĐ-TTGTHTKT ngày 21 tháng 05 năm 2026				Nội dung sửa đổi E-HSMT			
STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị tính	STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị tính
1776	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	243,9000	100 m2/lần	1776	Không có danh mục		
1913	Tưới thảm cỏ bằng nước giếng khoan HTTĐ	47.035,8075	100 m2/lần	1913	Không có danh mục		
1914	Tưới thảm cỏ bằng nước máy HTTĐ	60.112,7700	100 m2/lần	1914	Không có danh mục		
1921	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	2.131,0470	100 m2/lần	1921	Không có danh mục		
1922	Tưới bằng nước máy HTTĐ	7.494,5250	100 m2/lần	1922	Không có danh mục		
1927	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	27.635,4300	100 m2/lần	1927	Không có danh mục		
1928	Tưới bằng nước máy HTTĐ	15.627,0300	100 m2/lần	1928	Không có danh mục		
1936	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	4.108,0050	100 m2/lần	1936	Không có danh mục		
1937	Tưới bằng nước máy HTTĐ	19.916,7600	100 m2/lần	1937	Không có danh mục		
2552	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	267,5400	100 m2/lần	2552	Không có danh mục		
				2558 (Bổ sung sau STT 2557)	Chăm sóc cây kiểng tạo hình	0,025	100 cây/năm
2558	Chăm sóc cây kiểng trồng chậu	0		2559	Chăm sóc cây kiểng trồng chậu	0	
2605	Tưới thảm cỏ bằng nước giếng khoan HTTĐ	10.955,5740	100 m2/lần	2605	Không có danh mục		

Nội dung E-HSMT đã phát hành theo Quyết định duyệt E-HSMT số 594/QĐ-TTGTHTKT ngày 21 tháng 05 năm 2026				Nội dung sửa đổi E-HSMT			
STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị tính	STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng môi trường	Đơn vị tính
2612	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	1.838,2780	100 m2/lần	2612	Không có danh mục		
2616	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	742,1400	100 m2/lần	2616	Không có danh mục		
2623	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	170,7300	100 m2/lần	2623	Không có danh mục		
2665	Tưới thấm cỏ bằng nước giếng khoan HTTĐ	32.925,0653	100 m2/lần	2665	Không có danh mục		
2666	Tưới thấm cỏ bằng nước máy HTTĐ	42.078,9390	100 m2/lần	2666	Không có danh mục		
2673	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	1.539,0895	100 m2/lần	2673	Không có danh mục		
2674	Tưới bằng nước máy HTTĐ	5.412,7125	100 m2/lần	2674	Không có danh mục		
2679	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	19.344,8010	100 m2/lần	2679	Không có danh mục		
2680	Tưới bằng nước máy HTTĐ	10.938,9210	100 m2/lần	2680	Không có danh mục		
2688	Tưới bằng nước giếng khoan, HTTĐ	2.875,6035	100 m2/lần	2688	Không có danh mục		
2689	Tưới bằng nước máy HTTĐ	13.941,7320	100 m2/lần	2689	Không có danh mục		

Phụ lục II

Sửa đổi tại Mục E-ĐKC10.2 Chương VII của E-HSMT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTGTHTKT ngày tháng năm 2026 của Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Nội dung E-HSMT đã phát hành theo Quyết định duyệt E-HSMT số 594/QĐ-TTGTHTKT ngày 21 tháng 05 năm 2026	Nội dung sửa đổi E-HSMT
1	<p>E-ĐKC 10.2</p> <p>Giá hợp đồng: Được trượt giá.</p> <ul style="list-style-type: none">- Giá hợp đồng được tính trượt giá và thực hiện như sau:<ul style="list-style-type: none">+ Trượt giá hợp đồng được tính từ thời điểm phát sinh yếu tố làm thay đổi giá và chỉ áp dụng đối với khối lượng được thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong hợp đồng hoặc tiến độ được điều chỉnh theo quy định tại Mục 20 E-ĐKC. Không tính trượt giá cho các khối lượng công việc trong hợp đồng tương ứng với số tiền đã tạm ứng hợp đồng;+ Trượt giá hợp đồng trong thời gian thực hiện hợp đồng nhằm phản ánh những thay đổi về chi phí nhân công, thiết bị, vật tư. Việc tính trượt giá hợp đồng sẽ được thực hiện theo công thức cụ thể : <p>Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ thực hiện khi dự toán điều chỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>1. Điều chỉnh khối lượng: Điều chỉnh giá hợp đồng do thay đổi khối lượng cụ thể như sau: Bổ sung khối lượng công việc hợp lý (là những khối lượng nằm ngoài khối lượng, hạng mục công việc đã được xác định trong hồ</p>	<p>E-ĐKC 10.2</p> <p>Giá hợp đồng: Được trượt giá.</p> <ul style="list-style-type: none">- Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng và chỉ thực hiện khi dự toán điều chỉnh được phê duyệt và hai bên ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.- Giá hợp đồng sau khi điều chỉnh không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp giá hợp đồng sau khi điều chỉnh vượt giá gói thầu được phê duyệt thì chỉ được điều chỉnh sau khi có sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.- Giá hợp đồng có thể được điều chỉnh một trong các trường hợp sau:<ul style="list-style-type: none">+ Trên cơ sở dự toán ngân sách được giao hàng năm và dự toán điều chỉnh được phê duyệt, đảm bảo không cao hơn kinh phí trong dự toán ngân sách được giao.+ Chính sách của Nhà nước về thuế GTGT tại từng thời điểm trong thời gian thực hiện hợp đồng;+ Thực hiện theo yêu cầu tiết kiệm đối với nguồn kinh phí chi thường xuyên của cấp có thẩm quyền (nếu có);

STT	Nội dung E-HSMT đã phát hành theo Quyết định duyệt E-HSMT số 594/QĐ-TTGTHTKT ngày 21 tháng 05 năm 2026	Nội dung sửa đổi E-HSMT
	<p>sơ mời thầu kèm theo hợp đồng) hoặc điều chỉnh giảm khối lượng so với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký và các trường hợp bất khả kháng.</p> <p>- Trường hợp điều chỉnh giảm khối lượng so với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký: Áp dụng đơn giá trong hợp đồng để phê duyệt dự toán làm cơ sở điều chỉnh giảm giá hợp đồng.</p> <p>- Trường hợp bổ sung khối lượng công việc hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng được xác định như sau:</p> <p>+ Đối với phần khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng (các hạng mục có đơn giá trong hợp đồng): Thì áp dụng quy định tại hợp đồng này để lập đơn giá trình Sở Xây dựng phê duyệt dự toán điều chỉnh làm cơ sở ký phụ lục hợp đồng.</p> <p>+ Đối với phần khối lượng phát sinh mới ngoài hợp đồng (các hạng mục không có đơn giá trong hợp đồng): Thì hai bên thống nhất đơn giá mới để trình Sở Xây dựng phê duyệt dự toán điều chỉnh. Đơn giá mới là đơn giá được xác định theo quy định hiện hành và có tính đến các tỷ lệ tiết kiệm chi ngân sách, tỷ lệ trúng thầu của gói thầu theo hướng dẫn của cấp thẩm quyền (Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Xây dựng và các đơn vị quản lý liên quan khác). Trong mọi trường hợp phải đảm bảo đơn giá mới phải là giá trị thấp nhất của (đơn giá hiện hành x tỷ lệ tiết kiệm chi ngân sách (nếu có)) và (đơn giá hiện hành x tỷ lệ trúng thầu gói thầu).</p>	<p>+ Trường hợp có khối lượng, số lượng tăng hoặc giảm trong quá trình thực hiện hợp đồng nhưng không do lỗi của Bên B gây ra;</p> <p>+ Do điều chỉnh đơn giá hợp đồng;</p> <p>+ Do các trường hợp bất khả kháng quy định tại hợp đồng;</p> <p>- Điều chỉnh đơn giá hợp đồng: Điều chỉnh đơn giá khi có chênh lệch về chi phí nhân công và máy thi công</p> <p>Khi Nhà nước thay đổi chính sách về tiền lương ảnh hưởng trực tiếp đến giá hợp đồng thì hai bên sẽ thỏa thuận lại đơn giá thanh toán hợp đồng kể từ thời điểm chính sách này có hiệu lực và trên cơ sở dự toán điều chỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hồ sơ dự thầu của Bên B</p> <p>Khi thực hiện điều chỉnh đơn giá phải tính đến các yếu tố tỷ lệ trúng thầu của gói thầu, tỷ lệ trúng thầu hạng mục theo hướng dẫn của cấp thẩm quyền. Trong mọi trường hợp phải đảm bảo đơn giá điều chỉnh = (tỷ lệ thấp nhất giữa tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục và tỷ lệ giảm giá khi ký hợp đồng của cả gói thầu) x (đơn giá có trong hợp đồng sau khi thực hiện điều chỉnh chênh lệch về nhân công, máy thi công).</p> <p>Cách xác định Tỷ lệ giảm giá khi ký hợp đồng của cả gói thầu và Tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục công việc như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ giảm giá khi ký hợp đồng của cả gói thầu = (Giá hợp đồng ký kết)/(Giá gói thầu đã được phê

STT	Nội dung E-HSMT đã phát hành theo Quyết định duyệt E-HSMT số 594/QĐ-TTGTHTKT ngày 21 tháng 05 năm 2026	Nội dung sửa đổi E-HSMT
	<p>- Trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành.</p> <p>2. Điều chỉnh đơn giá:</p> <p>a. Điều chỉnh đơn giá khi có chênh lệch về chi phí nhân công và máy thi công:</p> <p>Khi Nhà nước thay đổi chính sách về tiền lương ảnh hưởng trực tiếp đến giá hợp đồng thì hai bên sẽ thỏa thuận lại đơn giá thanh toán hợp đồng kể từ thời điểm chính sách này có hiệu lực và trên cơ sở dự toán điều chỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hồ sơ dự thầu của Bên B.</p> <p>b. Điều chỉnh đơn giá khi có chênh lệch về giá vật liệu:</p> <p>Điều chỉnh do thay đổi giá vật liệu tại thời điểm thực hiện: Bao gồm cả điều chỉnh tăng và điều chỉnh giảm (xác định bằng phương pháp tính toán bù trừ trực tiếp chênh lệch giá vật liệu xây dựng), cụ thể như sau:</p> <p>b.1- Điều chỉnh giảm:</p> <p>+ Điều chỉnh giảm đối với tất cả loại vật liệu xây dựng mà tại thời điểm thực hiện trong năm (gọi là giá vật liệu tại thời điểm thực hiện) thấp hơn giá vật liệu xây dựng trong dự toán gói thầu đã được Sở Xây dựng phê duyệt dùng để tổ chức lựa chọn nhà thầu.</p> <p>Giá vật liệu tại thời điểm thực hiện được dùng để xác định Đơn giá tại thời điểm hiện hành.</p>	<p>duyet).</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục công việc = (Đơn giá của từng hạng mục công việc theo hợp đồng ký kết)/ (Đơn giá của từng hạng mục công việc đã được phê duyệt trong dự toán gói thầu) <p>- Trước khi thực hiện công việc thuộc khối lượng phát sinh, 2 bên phải lập biên bản thống nhất về khối lượng phát sinh, nguyên tắc tính đơn giá đối với khối lượng phát sinh làm cơ sở lập dự toán điều chỉnh và ký kết Phụ lục hợp đồng, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với khối lượng công việc phát sinh đã có đơn giá trong hợp đồng: Đối với phần khối lượng phát sinh nhỏ hơn 20% so với khối lượng công việc ban đầu trong hợp đồng đã ký thì lấy đơn giá trong hợp đồng sau khi điều chỉnh làm đơn giá thanh toán; phần khối lượng phát sinh từ mức 20% so với khối lượng công việc ban đầu trong hợp đồng đã ký thì đơn giá công việc phát sinh được lập theo quy định tại thời điểm thực hiện x (tỷ lệ thấp nhất giữa: tỷ lệ trúng thầu của hạng mục đó, tỷ lệ giảm giá khi ký hợp đồng của cả gói thầu, tỷ lệ sau giảm giá 95%). + Đối với khối lượng công việc phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì đơn giá công việc phát sinh được lập theo quy định tại thời điểm thực hiện x tỷ lệ giảm giá tối thiểu là 5%. <p>- Trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc</p>

STT	Nội dung E-HSMT đã phát hành theo Quyết định duyệt E-HSMT số 594/QĐ-TTGTHTKT ngày 21 tháng 05 năm 2026	Nội dung sửa đổi E-HSMT
	<p>+ Giá vật liệu tại thời điểm thực hiện: được xác định như sau</p> <p>Là giá thấp nhất trong từng Quý theo Công bố giá của Sở Xây dựng TP.Hồ Chí Minh (bao gồm cả chi phí vận chuyển đến chân công trình).</p> <p>Đối với các loại vật liệu xây dựng không có trong công bố giá của Sở Xây dựng TP.Hồ Chí Minh hoặc có trong công bố giá của Sở Xây dựng TP.Hồ Chí Minh nhưng không phù hợp với các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo quy định thì giá vật liệu được xác định trên cơ sở các báo giá hợp pháp khác của các nhà cung cấp vật liệu xây dựng (phải có ít nhất 03 báo giá và lấy giá thấp nhất trong 03 báo giá đó).</p> <p>Đối với giá vật liệu xây dựng Quý IV của năm thực hiện điều chỉnh: Tạm thời được xác định theo giá vật liệu xây dựng tháng 10, tháng 11 của năm đó. Khi quyết toán nếu giá vật liệu quý IV của năm thực hiện điều chỉnh lại giảm so với tháng 10, tháng 11 của năm đó thì nhà thầu phải nộp lại Ngân sách Nhà nước phần chênh lệch giảm đối với khối lượng thực hiện trong quý IV. Trường hợp giá vật liệu quý IV của năm thực hiện điều chỉnh tăng so với tháng 10, tháng 11 của năm đó thì thống nhất vẫn giữ nguyên giá vật liệu đã thanh toán cho bên B.</p> <p>b.2- Điều chỉnh tăng:</p> <p>+ Chỉ điều chỉnh tăng đối với các loại vật liệu gồm: Nhũ tương, bê tông nhựa, bê tông thương phẩm, xi măng, cát,</p>	<p>lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành.</p>

STT	Nội dung E-HSMT đã phát hành theo Quyết định duyệt E-HSMT số 594/QĐ-TTGTHTKT ngày 21 tháng 05 năm 2026	Nội dung sửa đổi E-HSMT
	<p>đá, thép các loại, màng phản quang, bột sơn và sơn các loại.</p> <p>+ Điều chỉnh tăng khi giá vật liệu tại thời điểm thực hiện chênh lệch tăng so với giá vật liệu tại thời điểm gốc.</p> <p>+ Giá vật liệu tại thời điểm thực hiện: Được xác định tương tự như trường hợp điều chỉnh giảm.</p> <p>+ Giá vật liệu tại thời điểm gốc: Là giá cao nhất giữa giá vật liệu theo công bố giá của Sở Xây dựng TP.HCM (thời điểm 28 ngày trước ngày đóng thầu), giá trong dự toán gói thầu đã được Sở xây dựng phê duyệt dùng để tổ chức lựa chọn nhà thầu, giá vật liệu trong hồ sơ dự thầu.</p> <p>b.3- Trường hợp giá vật liệu không điều chỉnh giảm và không điều chỉnh tăng:</p> <p>Khi đó giá vật liệu tại thời điểm thực hiện được xác định là giá trong dự toán gói thầu đã được Sở xây dựng phê duyệt dùng để tổ chức lựa chọn nhà thầu.</p> <p>c. Đơn giá điều chỉnh: được xác định như sau:</p> <p>Đơn giá điều chỉnh = (Đơn giá tính tại thời điểm hiện hành) x Tỷ lệ giảm giá khi dự thầu</p> <p>Trong đó:</p> <p>+ Đơn giá tính tại thời điểm hiện hành: là đơn giá đã thực hiện điều chỉnh do có chênh lệch về chi phí nhân công, máy thi công, vật liệu đã quy định tại hợp đồng này.</p> <p>+ Tỷ lệ giảm giá khi dự thầu là Tỷ lệ thấp nhất giữa (tỷ lệ trúng thầu của gói thầu thông qua kết quả đấu thầu)</p>	

STT	Nội dung E-HSMT đã phát hành theo Quyết định duyệt E-HSMT số 594/QĐ-TTGTHTKT ngày 21 tháng 05 năm 2026	Nội dung sửa đổi E-HSMT
	<p>và (tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục công việc thông qua kết quả đấu thầu).</p> <p>+ Tỷ lệ trúng thầu của gói thầu thông qua kết quả đấu thầu = (Giá trị gói thầu theo hợp đồng ký kết)/(Giá gói thầu đã được Sở xây dựng phê duyệt).</p> <p>+ Tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục công việc thông qua kết quả đấu thầu = (Đơn giá của từng hạng mục công việc theo hợp đồng ký kết)/ (Đơn giá của từng hạng mục công việc đã được Sở xây dựng phê duyệt trong dự toán gói thầu)</p> <p>d. Thời điểm, số lần xem xét điều chỉnh đơn giá: Mỗi năm (2026, 2027, 2028) điều chỉnh đơn giá tối thiểu 01 lần/năm. Thời điểm điều chỉnh tùy vào tình hình thực tế sẽ thực hiện cho phù hợp.</p> <p>3.3. Đối với các trường hợp bất khả kháng, bất khả kháng khác: Đơn giá cho các công việc phải khắc phục hậu quả bất khả kháng được xác định căn cứ vào điều kiện thực tế, thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng. Áp dụng đơn giá trong hợp đồng đã ký kết cho khối lượng công việc trong phạm vi hợp đồng; đơn giá mới xác định cho khối lượng công việc bổ sung, phát sinh bổ sung ngoài phạm vi hợp đồng.</p>	

Phụ lục III

Sửa đổi tại Điều 5 của Dự thảo hợp đồng – Mẫu số 14A Phần 4 Biểu mẫu hợp đồng của E-HSMT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTGTHTKT ngày tháng năm 2026 của Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Nội dung E-HSMT đã phát hành theo Quyết định duyệt E-HSMT số 594/QĐ-TTGTHTKT ngày 21 tháng 05 năm 2026	Nội dung sửa đổi E-HSMT
1	<p>Điều 5. Điều chỉnh giá hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng và chỉ thực hiện khi dự toán điều chỉnh được phê duyệt và hai bên ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.- Giá hợp đồng sau khi điều chỉnh không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp giá hợp đồng sau khi điều chỉnh vượt giá gói thầu được phê duyệt thì chỉ được điều chỉnh sau khi có sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.- Giá hợp đồng có thể được điều chỉnh một trong các trường hợp sau:<ul style="list-style-type: none">+ Trên cơ sở dự toán ngân sách được giao hàng năm và dự toán điều chỉnh được phê duyệt, đảm bảo không cao hơn kinh phí trong dự toán ngân sách được giao.+ Chính sách của Nhà nước về thuế GTGT tại từng thời điểm trong thời gian thực hiện hợp đồng;+ Thực hiện theo yêu cầu tiết kiệm đối với nguồn kinh phí chi thường xuyên của cấp có thẩm quyền (nếu có);+ Trường hợp có khối lượng, số lượng tăng hoặc giảm trong quá trình thực hiện hợp đồng nhưng không do lỗi của Bên B gây ra;+ Do các trường hợp bất khả kháng quy định tại hợp đồng;	<p>Điều 5. Điều chỉnh giá hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng và chỉ thực hiện khi dự toán điều chỉnh được phê duyệt và hai bên ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.- Giá hợp đồng sau khi điều chỉnh không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp giá hợp đồng sau khi điều chỉnh vượt giá gói thầu được phê duyệt thì chỉ được điều chỉnh sau khi có sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.- Giá hợp đồng có thể được điều chỉnh một trong các trường hợp sau:<ul style="list-style-type: none">+ Trên cơ sở dự toán ngân sách được giao hàng năm và dự toán điều chỉnh được phê duyệt, đảm bảo không cao hơn kinh phí trong dự toán ngân sách được giao.+ Chính sách của Nhà nước về thuế GTGT tại từng thời điểm trong thời gian thực hiện hợp đồng;+ Thực hiện theo yêu cầu tiết kiệm đối với nguồn kinh phí chi thường xuyên của cấp có thẩm quyền (nếu có);+ Trường hợp có khối lượng, số lượng tăng hoặc giảm trong quá trình thực hiện hợp đồng nhưng không do lỗi của Bên B gây ra;+ Do điều chỉnh đơn giá hợp đồng;

STT	Nội dung E-HSMT đã phát hành theo Quyết định duyệt E-HSMT số 594/QĐ-TTGTHTKT ngày 21 tháng 05 năm 2026	Nội dung sửa đổi E-HSMT
	<p>- Việc điều chỉnh giá hợp đồng được thống nhất theo nguyên tắc như sau:</p> <p>+ Đối với khối lượng công việc đã có đơn giá trong hợp đồng thì lấy đơn giá trong hợp đồng làm đơn giá thanh toán.</p> <p>+ Đối với khối lượng công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng thì các bên tham gia hợp đồng thống nhất:</p> <p>(+) Khi thực hiện điều chỉnh đơn giá phải tính đến các yếu tố tỷ lệ trúng thầu của gói thầu, tỷ lệ trúng thầu hạng mục theo hướng dẫn của cấp thẩm quyền. Trong mọi trường hợp phải đảm bảo đơn giá điều chỉnh = (tỷ lệ thấp nhất giữa tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục và tỷ lệ giảm giá khi ký hợp đồng của cả gói thầu) x (đơn giá có trong hợp đồng sau khi thực hiện điều chỉnh chênh lệch về nhân công, máy thi công, vật liệu).</p> <p>Cách xác định Tỷ lệ giảm giá khi ký hợp đồng của cả gói thầu và Tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục công việc như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tỷ lệ giảm giá khi ký hợp đồng của cả gói thầu = (Giá hợp đồng ký kết)/(Giá gói thầu đã được phê duyệt). • Tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục công việc = (Đơn giá của từng hạng mục công việc theo hợp đồng ký kết)/ (Đơn giá của từng hạng mục công việc đã được phê duyệt trong dự toán gói thầu) <p>Trường hợp tỷ lệ trúng thầu của gói thầu > 95% (tỷ lệ trúng thầu là giá ký hợp đồng của gói thầu/trên giá gói thầu được duyệt) thì đơn giá của các công việc phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng là đơn giá theo quy</p>	<p>+ Do các trường hợp bất khả kháng quy định tại hợp đồng;</p> <p>- Điều chỉnh đơn giá hợp đồng: Điều chỉnh đơn giá khi có chênh lệch về chi phí nhân công và máy thi công</p> <p>Khi Nhà nước thay đổi chính sách về tiền lương ảnh hưởng trực tiếp đến giá hợp đồng thì hai bên sẽ thỏa thuận lại đơn giá thanh toán hợp đồng kể từ thời điểm chính sách này có hiệu lực và trên cơ sở dự toán điều chỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hồ sơ dự thầu của Bên B</p> <p>Khi thực hiện điều chỉnh đơn giá phải tính đến các yếu tố tỷ lệ trúng thầu của gói thầu, tỷ lệ trúng thầu hạng mục theo hướng dẫn của cấp thẩm quyền. Trong mọi trường hợp phải đảm bảo đơn giá điều chỉnh = (tỷ lệ thấp nhất giữa tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục và tỷ lệ giảm giá khi ký hợp đồng của cả gói thầu) x (đơn giá có trong hợp đồng sau khi thực hiện điều chỉnh chênh lệch về nhân công, máy thi công).</p> <p>Cách xác định Tỷ lệ giảm giá khi ký hợp đồng của cả gói thầu và Tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục công việc như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tỷ lệ giảm giá khi ký hợp đồng của cả gói thầu = (Giá hợp đồng ký kết)/(Giá gói thầu đã được phê duyệt). • Tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục công việc = (Đơn giá của từng hạng mục công việc theo hợp đồng ký kết)/ (Đơn giá của từng hạng mục công việc đã được phê duyệt trong dự toán gói thầu)

STT	Nội dung E-HSMT đã phát hành theo Quyết định duyệt E-HSMT số 594/QĐ-TTGTHTKT ngày 21 tháng 05 năm 2026	Nội dung sửa đổi E-HSMT
	<p>định tại thời điểm thực hiện trừ đi tỷ lệ giảm giá tối thiểu là 5%.</p> <p>+ Trước khi thực hiện công việc thuộc khối lượng phát sinh, 2 bên phải lập biên bản thống nhất về khối lượng phát sinh, nguyên tắc tính đơn giá đối với khối lượng phát sinh làm cơ sở lập dự toán điều chỉnh và ký kết Phụ lục hợp đồng.</p> <p>- Trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành.</p>	<p>- Trước khi thực hiện công việc thuộc khối lượng phát sinh, 2 bên phải lập biên bản thống nhất về khối lượng phát sinh, nguyên tắc tính đơn giá đối với khối lượng phát sinh làm cơ sở lập dự toán điều chỉnh và ký kết Phụ lục hợp đồng, cụ thể như sau:</p> <p>+ Đối với khối lượng công việc phát sinh đã có đơn giá trong hợp đồng: Đối với phần khối lượng phát sinh nhỏ hơn 20% so với khối lượng công việc ban đầu trong hợp đồng đã ký thì lấy đơn giá trong hợp đồng sau khi điều chỉnh làm đơn giá thanh toán; phần khối lượng phát sinh từ mức 20% so với khối lượng công việc ban đầu trong hợp đồng đã ký thì đơn giá công việc phát sinh được lập theo quy định tại thời điểm thực hiện x (tỷ lệ thấp nhất giữa: tỷ lệ trúng thầu của hạng mục đó, tỷ lệ giảm giá khi ký hợp đồng của cả gói thầu, tỷ lệ sau giảm giá 95%).</p> <p>+ Đối với khối lượng công việc phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì đơn giá công việc phát sinh được lập theo quy định tại thời điểm thực hiện x tỷ lệ giảm giá tối thiểu là 5%.</p> <p>- Trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành.</p>